

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-11-2021.

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 263, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Mai Bình D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 263, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2021, Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 19/4/2021, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/5/2021, nguyên đơn Trần Thị Cẩm G trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2009, chị G và anh Mai Bình D quen biết nhau, sau khi tìm hiểu được một thời gian và quyết định tiến đến hôn nhân, nên được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới trong năm 2009. Đến ngày 15/11/2013, chị

G và anh D đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã Định Yên, huyện Lấp Vò để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chị G với anh D chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2019 thì giữa chị G với anh D phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và anh D thường xuyên ăn chơi, cờ bạc không lo phụ giúp kinh tế của gia đình. Do vậy, cuộc sống hôn nhân giữa chị G với anh D không còn hạnh phúc. Đến khoảng tháng 02/2019, chị G đã bỏ đi lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, làm việc và chị G với anh D đã sống ly thân với nhau đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị G và anh D đã không còn, không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị G với anh Mai Bình D có 02 người con chung tên Mai Thị Cẩm T1, sinh ngày 19/10/2009 và Mai Thị Cẩm T2, sinh ngày 14/10/2013. Hiện nay, cháu T1 và T2 đang do anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G đồng ý giao cháu T1 và T2 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng và chị G không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Mai Bình D: Anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên họp, đồng thời anh D cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm G.

+ Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Cẩm G với anh Mai Bình D ly hôn. Về con chung: Giao các cháu Mai Thị Cẩm T1, sinh ngày 19/10/2009 và Mai Thị Cẩm T2, sinh ngày 14/10/2013 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Xét thấy, nguyên đơn Trần Thị Cẩm G có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn Mai Bình D, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, bị đơn Mai Bình D có nơi cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ, cho nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, nguyên đơn Trần Thị Cẩm G có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 07/6/2021 và bị đơn Mai Bình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Cẩm G và bị đơn Mai Bình D kết hôn năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Yên, huyện Lấp Vò vào ngày 15/11/2013 theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Theo tinh thần hướng dẫn tại Mục 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, được coi là tình trạng của vợ chồng trầm trọng khi: *“Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, hoà giải nhiều lần”*. Hay: *“Vợ hoặc chồng luôn có hành vi ngược đãi, hành hạ nhau, như thường xuyên đánh đập, hoặc có hành vi khác xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhắc nhở, hoà giải nhiều lần”*. Hoặc: *“Vợ chồng không chung thủy với nhau như có quan hệ ngoại tình, đã được người vợ hoặc người chồng hoặc bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, khuyên bảo nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình”*. Còn Mục đích của hôn nhân không đạt được, đó là: *“Không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng; không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt”*.

Theo đó, việc chị G cho rằng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị G với anh D là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và anh

D thường xuyên ăn chơi, cờ bạc không lo phụ giúp kinh tế của gia đình. Do vậy, cuộc sống hôn nhân giữa chị G với anh D không còn hạnh phúc. Đến khoảng tháng 02/2019, chị G đã bỏ đi lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, làm việc và chị G với anh D đã sống ly thân với nhau đến nay. Chị G xác định đã không còn tình cảm vợ chồng với anh D và chị G với anh D không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị G cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh D.

Xét thấy, giữa chị G với anh D là có phát sinh mâu thuẫn. Điều này được thể hiện thông qua việc: Trong quá suốt trình làm việc, mặc dù Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên nhiều lần để chị G với anh D hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ để nuôi dạy các con, nhưng chị G vẫn cương quyết xin ly hôn với anh D. Mặt khác, kể từ khi chị G nộp đơn khởi kiện đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D để nhằm tiến hành hòa giải, động viên để chị G với anh D có thể hàn gắn, đoàn tụ và chung sống lại với nhau, nhưng anh D lại không chấp hành sự triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng tỏ rằng, anh D đã không có ý định muốn hàn gắn lại với chị G. Hơn nữa, chị G với anh D đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2019 đến nay, mà các bên vẫn không có giải pháp để hàn gắn lại tình cảm, để đoàn tụ nuôi dạy các con. Điều này đã thể hiện sự kiên quyết ly hôn của chị G, còn anh D không có thiện chí để hàn gắn tình cảm lại với chị G. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị G với anh D là thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được.

Chính vì vậy, việc nguyên đơn Trần Thị Cẩm G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Mai Bình D đã thỏa mãn các điều kiện về căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Xét thấy, các cháu Mai Thị Cẩm T1, sinh ngày 19/10/2009 và Mai Thị Cẩm T2, sinh ngày 14/10/2013, tính đến nay các cháu T1 và T2 đã hơn 07 tuổi. Đồng thời, các cháu T1 và T2 cũng có văn bản trình bày nguyện vọng là mong muốn sống chung với anh D. Bên cạnh đó, từ trước đến nay, anh D cũng đã trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo cho các cháu T1, T2 và các cháu T1, T2 cũng đã phát triển tốt. Điều này, chứng tỏ anh D có đủ điều kiện để có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cho các cháu T1 và T2. Hơn nữa, nhằm đảm bảo sự ổn định, tránh sự xáo trộn có thể dẫn đến việc gây ảnh hưởng về mặt tâm sinh lý đối với các cháu T1 và T2. Đối với anh D vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh D như thế nào. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu T1 và T2 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng: Lẽ ra, chị Trần Thị Cẩm G là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, do anh D là người trực tiếp nuôi con nhưng lại vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh D như thế nào, nên Hội đồng xét xử

không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Cẩm G không yêu cầu giải quyết; còn anh Mai Bình D vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử và cũng không có văn bản ý kiến hoặc yêu cầu phản tố để chia tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm G là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị Cẩm G và bị đơn Mai Bình D vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm G.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Cẩm G được ly hôn với anh Mai Bình D.

1.2. Về con chung: Anh Mai Bình D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Mai Thị Cẩm T1, sinh ngày 19/10/2009 và Mai Thị Cẩm T2, sinh ngày 14/10/2013 (cháu T1 và cháu T2 đang do anh D trực tiếp nuôi dưỡng).

1.3. Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Chị Trần Thị Cẩm G được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh Mai Bình D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Trần Thị Cẩm G không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Trần Thị Cẩm G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị G đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0014008 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Chị G đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị Cẩm G và bị đơn Mai Bình D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã Định Yên¹;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thành Nhân

¹ Đăng ký ngày 15/11/2013; Số 163/2013; Quyền số 01/2013.